THỐNG KÊ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TIỂU HỌC - HỌC KÌ II

Năm học :	**Năm học: 2020-2021**
Trường :	**TH Lê Đình Chinh**

1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4						Lớp 5					
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số				
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khuyết tật
I. Kết quả học tập																										
1. Tiếng Việt	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Hoàn thành tốt		***559***	93	52	16	9			172	87	53	30		2	161	87	45	26			133	77	40	25		1
Hoàn thành		***135***	60	23	21	7			43	14	14	3		3	18	4	4				14	3	4	1		2
Chưa hoàn thành		***5***	3	2	2	1			2					2												
2. Toán	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Hoàn thành tốt		***483***	89	43	20	10			127	67	37	22		1	152	85	44	25			115	64	31	19		
Hoàn thành		***212***	66	33	19	7			88	34	30	11		5	26	6	5	1			32	16	13	7		3
Chưa hoàn thành		***4***	1	1					2					1	1											
3. Đạo đức	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Hoàn thành tốt		***586***	103	56	23	11			171	88	54	31		1	168	90	46	26			144	78	44	26		3
Hoàn thành		***113***	53	21	16	6			46	13	13	2		6	11	1	3				3	2				
Chưa hoàn thành																										
4. TN & XH	***373***	***373***	156	77	39	17			217	101	67	33		7												
Hoàn thành tốt		***269***	105	55	24	11			164	79	51	29		1												
Hoàn thành		***104***	51	22	15	6			53	22	16	4		6												
Chưa hoàn thành																										
5. Khoa học	***326***	***326***													179	91	49	26			147	80	44	26		3
Hoàn thành tốt		***316***													170	91	47	26			146	79	44	26		3
Hoàn thành		***10***													9		2				1	1				
Chưa hoàn thành																										
6. LS &ĐL	***326***	***326***													179	91	49	26			147	80	44	26		3
Hoàn thành tốt		***299***													166	89	45	25			133	75	39	23		1
Hoàn thành		***27***													13	2	4	1			14	5	5	3		2
Chưa hoàn thành																										
7. Âm nhạc	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Hoàn thành tốt		***564***	119	59	27	12			179	92	55	31		1	150	80	42	24			116	66	35	21		
Hoàn thành		***135***	37	18	12	5			38	9	12	2		6	29	11	7	2			31	14	9	5		3
Chưa hoàn thành																										
8. Mĩ thuật	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Hoàn thành tốt		***540***	104	58	23	12			146	84	47	30		1	159	87	44	25			131	74	39	24		1
Hoàn thành		***159***	52	19	16	5			71	17	20	3		6	20	4	5	1			16	6	5	2		2
Chưa hoàn thành																										
9. Thủ công, Kĩ thuật	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Hoàn thành tốt		***592***	104	57	22	12			167	89	51	32		1	179	91	49	26			142	79	42	25		1
Hoàn thành		***107***	52	20	17	5			50	12	16	1		6							5	1	2	1		2
Chưa hoàn thành																										
10. Thể dục	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Hoàn thành tốt		***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Hoàn thành																										

Chưa hoàn thành																											
11. Ngoại ngữ	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Hoàn thành tốt		***369***	98	50	21	12			102	51	32	18		1	98	56	26	15			71	43	18	12		1
Hoàn thành		***330***	58	27	18	5			115	50	35	15		6	81	35	23	11			76	37	26	14		2
Chưa hoàn thành																											
12. Tin học	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Hoàn thành tốt		***523***	132	61	31	14			141	69	44	26		1	129	72	39	24			121	67	37	22		
Hoàn thành		***176***	24	16	8	3			76	32	23	7		6	50	19	10	2			26	13	7	4		3
Chưa hoàn thành																											
13. Tiếng dân tộc																											
Hoàn thành tốt																											
Hoàn thành																											
Chưa hoàn thành																											
II. Năng lực																											
Tự phục vụ tự quản	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Tốt		***616***	111	59	25	12			187	94	58	32		4	171	90	45	26			147	80	44	26		3
Đạt		***83***	45	18	14	5			30	7	9	1		3	8	1	4									
Cần cố gắng																											
Hợp tác	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Tốt		***602***	117	60	26	12			165	83	50	30		1	173	91	46	26			147	80	44	26		3
Đạt		***97***	39	17	13	5			52	18	17	3		6	6		3									
Cần cố gắng																											
Tự học và giải quyết vấn đề	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Tốt		***550***	105	54	22	12			160	82	49	30		1	161	86	44	25			124	68	36	21		1
Đạt		***148***	50	22	16	4			57	19	18	3		6	18	5	5	1			23	12	8	5		2
Cần cố gắng		***1***	1	1	1	1																					
III. Phẩm chất																											
Chăm học chăm làm	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Tốt		***566***	106	56	22	12			161	84	49	31		1	174	89	47	25			125	66	37	21		2
Đạt		***132***	49	20	16	4			56	17	18	2		6	5	2	2	1			22	14	7	5		1
Cần cố gắng		***1***	1	1	1	1																					
Tự tin trách nhiệm	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Tốt		***557***	100	51	21	10			151	76	44	26		1	175	91	48	26			131	73	39	23		2
Đạt		***141***	55	25	17	6			66	25	23	7		6	4		1				16	7	5	3		1
Cần cố gắng		***1***	1	1	1	1																					
Trung thực kỷ luật	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Tốt		***590***	115	61	28	13			163	86	50	29		2	169	88	48	26			143	78	43	26		3
Đạt		***109***	41	16	11	4			54	15	17	4		5	10	3	1				4	2	1			
Cần cố gắng																											
Đoàn kết yêu thương	***699***	***699***	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Tốt		***658***	134	70	31	14			198	96	60	31		5	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Đạt		***41***	22	7	8	3			19	5	7	2		2													
Cần cố gắng																											
IV. Khen thưởng	***295***	***295***	60	32	11	6			75	39	24	15		1	93	54	26	15			67	40	17	11		
- Giấy khen cấp trường		***272***	60	32	11	6			75	39	24	15		1	80	47	22	13			57	35	15	10		
- Giấy khen cấp trên		***23***													13	7	4	2			10	5	2	1		
V. HSDT được trợ giảng																											
VI. HS.K.Tật	***10***	***10***							7		1			7							3		2			3
VII. HS bỏ học kỳ II																											
+ Hoàn cảnh GĐKK																											

+ KK trong học tập																											
+ Xa trường, đi lại K.khăn																											
+ Thiên tai, dịch bệnh																											
+ Nguyên nhân khác																											
VIII. Chương trình lớp học	699	699	156	77	39	17			217	101	67	33		7	179	91	49	26			147	80	44	26		3
Hoàn thành	692	692	153	75	37	16			214	101	67	33		5	178	91	49	26			147	80	44	26		3
Chưa hoàn thành	7	7	3	2	2	1			3					2	1											